

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**
Bản án số: **107/2023/HS - ST**
Ngày: 31 - 7 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT – TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: 1./ Ông Nguyễn Thành Lam

2./ Ông Nguyễn Khánh Thành

- Thư ký Phiên tòa: Ông Hà Văn Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia Phiên tòa:
ông Đinh Ngọc Mạnh – Kiểm sát viên.

Vào 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 121/2023/TLST - HS ngày 13 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2023/QĐXXST – HS ngày 14 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Thùy L - Sinh năm 1987 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: 55/4 ấp T, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Nội trợ, Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa; con ông Nguyễn Văn M (đã chết), con bà Phạm Thị N (đã chết); bị cáo có chồng Vũ Gia T, sinh năm: 1984 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2017; Bị cáo là con út trong gia đình có 05 chị em.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: tốt

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

2. Vũ Gia T - Sinh năm 1984 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: 55/4, ấp T, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 04/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; con ông Vũ Văn T, sinh năm 1944 và bà Trần Thị V (đã chết); bị cáo là con út trong gia đình có 7 anh chị em. Bị cáo có vợ Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1987 và có 03 người con, con lớn sinh năm 2011 và con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: tốt

Bị cáo bị tạm giữ ngày 28/01/2023. Hủy bỏ quyết định tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/2/2023 đến nay.

3. Lê Anh K - Sinh năm 1975 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: số 269/2, ấp G, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Thợ điện, Trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Lê Kim N, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951; Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 08 anh em; Bị cáo có vợ Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1984 và có 05 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: tốt

Bị cáo bị tạm giữ ngày 28/01/2023. Hủy bỏ quyết định tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/2/2023 đến nay.

4. Nguyễn Quang T - Sinh năm 1985 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: số B2/030 ấp N, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: sửa chữa điện lạnh, Trình độ học vấn: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; con ông Nguyễn Viết T (đã chết) và bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1963; bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 04 anh chị em; bị cáo có vợ tên Tạ Thị Thanh T, sinh năm 1988 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2022;

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: tốt

Bị cáo bị tạm giữ ngày 28/01/2023. Hủy bỏ quyết định tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/2/2023 đến nay.

5. Phạm Nhật T - Sinh năm 1978 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: số 87/3, ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Bán; Trình độ học vấn: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; con ông Phạm Đình T, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 05 anh chị em; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1980 và có 01 người con sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: tốt

Bị cáo bị tạm giữ ngày 28/01/2023. Hủy bỏ quyết định tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/2/2023 đến nay.

6. Nguyễn Duy P - Sinh năm 1997 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: số 61/3, ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Thợ điện lạnh, Trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970 và bà Hoàng Thị Tuyết N, sinh năm 1972; bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 05 anh chị em; bị cáo có vợ tên Đoàn Thu T, sinh năm 1997.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: tốt

Bị cáo bị tạm giữ ngày 28/01/2023. Hủy bỏ quyết định tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/2/2023 đến nay.

7. Nguyễn Hoàng P - Sinh năm 1967 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: 68B/3 ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Thợ hàn, Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị P (đã chết); bị cáo là con thứ năm trong gia đình có 08 anh chị em; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1970 và có 02 người con, con lớn sinh năm 1990 và con nhỏ sinh năm 1992.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: tốt

Bị cáo bị tạm giữ ngày 28/01/2023. Hủy bỏ quyết định tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/2/2023 đến nay.

8. Nguyễn Thị H - Sinh năm 1981 tại Huế.

Nơi ĐKHKTT: thôn Thành T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tạm trú: số 68/3 ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Buôn bán, Trình độ học vấn: không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; con ông Nguyễn N và bà Phan Thị A; bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 07 anh chị em; bị cáo có chồng tên Đào Phước L, sinh năm 1980 và có 03 người con, con lớn sinh năm 2000 và con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: tốt

Bị cáo bị tạm giữ ngày 28/01/2023. Hủy bỏ quyết định tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/2/2023 đến nay.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp Đ, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(vắng mặt)

Người làm chứng: Anh Nguyễn Hồ C, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp B, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 28/01/2023, tại hiện một ngôi nhà bỏ hoang thuộc ấp Bạch Lâm 1, xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Công an huyện Thống Nhất bắt quả tang các đối tượng Vũ Gia T, Nguyễn Thị Thùy L, Lê Anh K, Nguyễn Quang T, Phạm Nhật T, Nguyễn Duy P, Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Thị

H và một số đối tượng đã bỏ chạy thoát đang có hành vi đánh bạc ăn tiền bằng hình thức “Xóc bầu cua”. Vật chứng thu giữ: 01 tấm bạt nylon màu xanh-trắng, kích thước 3x6 mét, 01 tấm giấy chia làm 06 ô bằng nhau có hình: nai, bầu, gà, cá, cua, tôm; 03 cục xúc xắc hình lập P bằng giấy có 06 mặt in hình nai, bầu, gà, cá, cua, tôm; 01 thau nhôm nhỏ và 01 đĩa nhựa có hoa văn màu xanh dùng để xóc các cục xúc xắc, 02 xe mô tô biển kiểm soát 60B7-688.66 và 60B3-518.02; số tiền thu giữ trên người các con bạc 30.250.000 đồng

Ngày 06/02/2023, Cơ quan điều tra công an huyện Thống Nhất đã khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với Vũ Gia T, Nguyễn Thị Thùy L, Lê Anh K, Nguyễn Quang T, Phạm Nhật T, Nguyễn Duy P, Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Thị H để điều tra. Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau:

Vào ngày 28/01/2023, Vũ Gia T, Nguyễn Thị Thùy L, Lê Anh K, Nguyễn Quang T, Phạm Nhật T, Nguyễn Duy P, Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Thị H cùng rủ nhau đánh bạc ăn tiền bằng hình thức “Xóc bầu cua”. L là người chuẩn bị công cụ gồm 01 tấm bạt kích thước 3x6m, 01 thau nhôm nhỏ, 01 đĩa nhựa, 03 hột xúc xắc và 01 tấm giấy kích thước 40x60cm có in hình các con vật nai, bầu, gà, cá, cua, tôm để đánh bạc.

Hình thức đánh bạc là “Xóc bầu cua”, người làm cái đặt 03 cục xúc xắc có hình các con vật bỏ lên đĩa nhựa sau đó úp thau nhôm lên xóc và đặt xuống, tiếp đó những người chơi khác đặt tiền vào các ô trên tấm giấy có in hình các con vật, sau khi người cầm cái mở thau nhôm ra thì căn cứ các mặt ngửa lên trên các cục xúc xắc để xác định thắng thua, nếu người nào đặt vào các ô trên tấm giấy có hình con vật giống với mặt ngửa lên trên các cục xúc xắc sẽ thắng bạc, nếu không có thì sẽ thua bạc. L và Trường làm cái ăn thua trực tiếp cùng các người chơi khác.

Khi tham gia đánh bạc, Nguyễn Thị Thùy L đưa số tiền 6.600.000 đồng cho Vũ Gia T để chung chi tiền thắng thua còn L xóc cái, quá trình đánh bạc, L và Trường thắng được số tiền 3.700.000 đồng. Lê Anh K đem theo số tiền 18.000.000 đồng, sử dụng 8.000.000 đồng để đánh bạc, K thua số tiền 1.500.000 đồng. Nguyễn Quang T sử dụng số tiền 2.600.000 đồng để đánh bạc, T thắng số tiền 400.000 đồng. Phạm Nhật T sử dụng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc, T thua số tiền 200.000 đồng. Nguyễn Duy P sử dụng số tiền 500.000 đồng đánh bạc, P thua hết số tiền 500.000 đồng. Nguyễn Hoàng P sử dụng số tiền 500.000 đồng đánh bạc, P thua số tiền 350.000 đồng. Nguyễn Thị H không đem theo tiền nhưng khi thấy người chơi đã đặt cược thì H cầm số tiền 100.000 đồng của người chơi trước đó đã đặt để đặt sang ô khác (gọi là tả), kết quả H huê tiền.

Quá trình điều tra, các bị cáo Vũ Gia T, Nguyễn Thị Thùy L, Lê Anh K, Nguyễn Quang T, Phạm Nhật T, Nguyễn Duy P, Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 70/CT.VKS – TN ngày 12/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố các bị cáo Vũ Gia T, Nguyễn Thị Thùy L, Lê Anh K, Nguyễn Quang T, Phạm Nhật T, Nguyễn Duy P, Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Thị H về tội “đánh bạc”, theo quy định tại khoản 1, Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại Phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Vũ Gia T, Nguyễn Thị Thùy L, Lê Anh K, Nguyễn Quang T, Phạm Nhật T, Nguyễn Duy P, Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Thị H về tội “đánh bạc”, theo bản Cáo trạng số 70/CT.VKS – TN ngày 12/6/2023. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65, khoản 4 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt:

Nguyễn Thị Thùy L từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng. Xử phạt bổ sung 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

Vũ Gia T từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù. Xử phạt bổ sung 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng);

Lê Anh K từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù. Xử phạt bổ sung 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng);

Nguyễn Quang T 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng đến 01 (một) năm 08 (tám) tháng. Xử phạt bổ sung 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng);

Phạm Nhật T, Nguyễn Duy P, Nguyễn Hoàng P mỗi bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung mỗi bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng)

Nguyễn Thị H 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H.

Phản tranh luận tại Phiên tòa: Các bị cáo Vũ Gia T, Nguyễn Thị Thùy L, Lê Anh K, Nguyễn Quang T, Phạm Nhật T, Nguyễn Duy P, Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Thị H không tranh luận với đại diện viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Các bị cáo Vũ Gia T, Nguyễn Thị Thùy L, Lê Anh K, Nguyễn Quang T, Phạm Nhật T, Nguyễn Duy P, Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Thị H trình bày các bị cáo biết tội của mình, kính mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại Phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Vũ Gia T, Nguyễn Thị Thùy L, Lê Anh K, Nguyễn Quang T, Phạm Nhật T, Nguyễn Duy P, Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Thị H tại Phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng đã thu hồi được, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nên có đủ căn cứ kết luận:

Vào khoảng 13 giờ ngày 28/01/2023, tại hiện một ngôi nhà bỏ hoang thuộc ấp Bạch Lâm 1, xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Công an huyện Thống Nhất bắt quả tang Vũ Gia T, Nguyễn Thị Thùy L, Lê Anh K, Nguyễn Quang T, Phạm Nhật T, Nguyễn Duy P, Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Thị H đang có hành vi đánh bạc ăn tiền bằng hình thức “Xóc bầu cua”. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 22.900.000 đồng, trong đó, Nguyễn Thị Thùy L đưa số tiền 6.600.000 đồng cho Vũ Gia T để chung chi tiền thắng thua còn L xóc cái, quá trình đánh bạc, L và Trường thắng được số tiền 3.700.000 đồng. Lê Anh K đem theo số tiền 18.000.000 đồng, sử dụng 8.000.000 đồng để đánh bạc, K thua số tiền 1.500.000 đồng. Nguyễn Quang T sử dụng số tiền 2.600.000 đồng để đánh bạc, T thắng số tiền 400.000 đồng. Phạm Nhật T sử dụng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc, T thua số tiền 200.000 đồng. Nguyễn Duy P sử dụng số tiền 500.000 đồng đánh bạc, P thua hết số tiền 500.000 đồng. Nguyễn Hoàng P sử dụng số tiền 500.000 đồng đánh bạc, P thua số tiền 350.000 đồng. Nguyễn Thị H không đem theo tiền nhưng khi thấy người chơi đã đặt cược thì H cầm số tiền 100.000 đồng của người chơi trước đó đã đặt để đặt sang ô khác (gọi là tả), kết quả H huê tiền. Như vậy, số tiền đánh bạc của các bị cáo lần lượt được xác định cụ thể là: Vũ Gia T và Nguyễn Thị Thùy L 10.300.000 đồng, Nguyễn Quang T 3.000.000 đồng, Lê Anh K 8.000.000 đồng, Phạm Nhật T 300.000 đồng, Nguyễn Duy P 500.000 đồng, Nguyễn Hoàng P 500.000 đồng và Nguyễn Thị H 100.000 đồng.

Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc trái phép bị pháp luật cấm, thấy trước tác hại nhưng vẫn thực hiện hành vi, điều đó cho thấy lỗi cố ý trong hành vi phạm tội của các bị cáo. Tổng số tiền các bị cáo đưa vào đánh bạc là 22.900.000 đồng. Như vậy đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Vũ Gia T, Nguyễn Thị Thùy L, Lê Anh K, Nguyễn Quang T, Phạm Nhật T, Nguyễn Duy P, Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Thị H đủ yếu tố cấu thành tội

“Đánh bạc” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó Cáo trạng số 70/CT.VKS-TN ngày 12/6/2023 của VKSND huyện Thống Nhất truy tố các bị cáo Vũ Gia T, Nguyễn Thị Thùy L, Lê Anh K, Nguyễn Quang T, Phạm Nhật T, Nguyễn Duy P, Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Thị H về tội danh và Điều luật đã viện dẫn như trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ, vai trò của từng bị cáo thì thấy: Đây là vụ án có tính chất nguy hiểm cho xã hội bởi hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng gây dư luận xấu trong nhân dân. Trong vụ án này các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn và cùng với vai trò là người thực hành, hành vi đánh bạc trái phép của các bị cáo có thể coi là nguyên nhân dẫn đến sự phát sinh nhiều loại tội phạm khác bởi vậy cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi của từng bị cáo nhằm giáo dục dẫn dắt phòng ngừa cho xã hội.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án này Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cùng là người trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc. Bị cáo L là người chuẩn bị công cụ và là làm cái trực tiếp đánh bạc ăn thua với những người còn lại, bị cáo Trường làm cái phụ bị cáo L chung chi tiền thắng thua bạc cho các con bạc với tổng số tiền bị cáo L và Trường sử dụng đánh bạc là 10.300.000đ. Bị cáo K sử dụng số tiền 8.000.000đ để đánh bạc nên cần có mức án cao hơn so với những bị cáo còn lại.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại Pên tòa luôn thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này các bị cáo chưa vi phạm pháp luật lần nào khác, có xác nhận của chính quyền địa P nơi cư trú. Bị cáo Nguyễn Thị H không biết chữ nên nhận thức pháp luật còn hạn chế nên cần thiết cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo L, T, K, T, T, P, P, H đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, bản thân luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Nhận thấy, việc không cách ly các bị cáo để cải tạo không gây nguy hiểm cho xã hội, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo, giao chính quyền địa P nơi các bị cáo cư trú quản lý, giám sát đối với các bị cáo cũng đủ nghiêm, nhằm tạo điều kiện cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cải tạo thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

Hành vi đánh bạc của các bị cáo mang tính sát phạt, ăn thua với mục đích hám lợi nên cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền ngoài hình phạt chính theo quy định tại khoản 4 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với số tiền thu của các con bạc là 20.250.000 đồng, trong đó: Vũ Gia T và Nguyễn Thị Thùy L 10.300.000 đồng, Nguyễn Quang T 3.000.000 đồng, Lê Anh K 6.500.000 đồng, Phạm Nhật T 300.000 đồng, Nguyễn Hoàng P 150.000 đồng cần tịch thu sung công quỹ.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng thu giữ của Lê Anh K không sử dụng vào mục đích đánh bạc, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên không xem xét giải quyết.

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 60B7-688.66 của Vũ Gia T và 01 xe mô tô biển kiểm soát 60B3-518.02 của Nguyễn Quang T là tài sản cá nhân và có nguồn gốc rõ ràng không liên quan đến hành vi đánh bạc nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên không xem xét giải quyết.

Đối với 01 tấm bạt nylon màu xanh-trắng, kích thước 3x6 mét, 01 tấm giấy chia làm 06 ô bằng nhau có hình: nai, bầu, gà, cá, cua, tôm; 03 cục xúc xắc hình lập P bằng giấy có 06 mặt in hình nai, bầu, gà, cá, cua, tôm; 01 thau nhôm nhỏ và 01 đĩa nhựa có hoa văn màu xanh là công cụ phục vụ cho việc đánh bạc cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại Pên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Thùy L, Vũ Gia T, Lê Anh K, Nguyễn Quang T, Phạm Nhật T, Nguyễn Duy P, Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Thị H phạm tội “Đánh bạc”,

Xử phạt:

- Bị cáo **Nguyễn Thị Thùy L** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo **Vũ Gia T** 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo **Lê Anh K 01** (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo **Nguyễn Quang T 08** (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo **Phạm Nhật T 06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo **Nguyễn Duy P 06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo **Nguyễn Hoàng P 06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo **Nguyễn Thị H 06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Phạm Nhật T, Nguyễn Duy P, Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị Thùy L, Vũ Gia T, Lê Anh K cho Ủy ban nhân dân xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Giao bị cáo Nguyễn Quang T cho Ủy ban nhân dân xã Quang T huyện thống Nhất, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: “Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 321 của Bộ luật Hình sự

Các bị cáo Nguyễn Thị Thùy L, Lê Anh K mỗi bị cáo phải nộp số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*) sung công quỹ nhà nước.

Các bị cáo Vũ Gia T, Phạm Nhật T, Nguyễn Duy P, Nguyễn Quang T, Nguyễn Hoàng P mỗi bị cáo phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) sung công quỹ nhà nước.

2. Xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 20.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005550 ngày 13/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất.

Tịch thu tiêu hủy: 01 tấm bạt nylon màu xanh-trắng, kích thước 3x6 mét, 01 tấm giấy chia làm 06 ô bằng nhau có hình: nai, bầu, gà, cá, cua, tôm; 03 cục xúc xắc hình lập P bằng giấy có 06 mặt in hình nai, bầu, gà, cá, cua, tôm; 01 thau nhôm nhỏ và 01 đĩa nhựa có hoa văn màu xanh là công cụ phục vụ cho việc đánh bạc (theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/6/2023 giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Các bị cáo Vũ Gia T, Nguyễn Thị Thùy L, Lê Anh K, Nguyễn Quang T, Phạm Nhật T, PNguyễn Duy P, Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Thị H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND T. Đồng Nai.
- VKSND T.Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Công an H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H Thống Nhất;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Hoàng Thị Lan

